TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02708



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC - 01 (209901) **CBGD:** Đặng Quang Thịnh (570 )

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~1~~ | ~~07151064~~ | ~~PHẠM TẤN~~ | ~~NHỰT~~ | ~~CD08CQ~~ | | | | | | | ~~V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10~~ | ~~0 1 2 3 4 5 6 7 8 9~~ |
| 2 | 07333103 | BÙI NGỌC | MINH | CD08CQ | | | | | | 2 | V 0 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| ~~3~~ | ~~08166018~~ | ~~LÊ TRẦN CÔNG~~ | ~~DANH~~ | ~~CD08CQ~~ | | | | | | | ~~V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10~~ | ~~0 1 2 3 4 5 6 7 8 9~~ |
| ~~4~~ | ~~08166127~~ | ~~MẠC LÊ ĐĂNG~~ | ~~PHONG~~ | ~~CD08CQ~~ | | | | | | | ~~V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10~~ | ~~0 1 2 3 4 5 6 7 8 9~~ |
| 5 | 09113219 | DANH THỊ THÙY | TRÂM | DH09QL | | | | | | 6 | V 0 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 6 | 09124003 | HUỲNH CAO THỊ NGỌC | ÁNH | DH09QL | | | | | | 3 | V 0 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 7 | 09124056 | LƯƠNG HỒNG | NANG | DH09QL | | | | | | 3 | V 0 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 8 | 09124063 | PHÙNG THỊ ĐAN | NGỌC | DH09QL | | | | | | 3 | V 0 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 9 | 09124098 | ĐƯỜNG THỊ THANH | THÚY | DH09QL | | | | | | 3 | V 0 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 10 | 09124123 | CHÂU MINH | VŨ | DH09QL | | | | | | 3 | V 0 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 11 | 09151031 | TRẦN VĂN | CHINH | DH09DC | | | | | | 2 | V 0 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 12 | 09333012 | DƯƠNG THỊ HỒNG | ÁNH | CD09CQ | | | | | | 3 | V 0 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 13 | 09333022 | NGUYỄN VĂN | DŨNG | CD09CQ | | | | | | 2 | V 0 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 14 | 09333067 | HUỲNH THỊ MỸ | LAN | CD09CQ | | | | | | 6 | V 0 1 2 3 4 5 **6** 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 15 | 09333069 | ĐỖ THỊ | LIÊN | CD09CQ | | | | | | 2 | V 0 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 16 | 09333087 | NGUYỄN THỊ KIỀU | MY | CD09CQ | | | | | | 2 | V 0 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 17 | 09333102 | LÊ THỊ MINH | NỮ | CD09CQ | | | | | | 3 | V 0 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 18 | 09333137 | LƯU HOÀNG THẠCH | THẢO | CD09CQ | | | | | | 2 | V 0 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Số bài:.....; Số tờ:.....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Thịnh

Cán bộ chấm thi 1&2

Đinh Quang Vinh

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02708



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC - 01 **CBGD:** Đặng Quang Thịnh (570 )

| STT | Mã SV | Họ và tên | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ 1 ( %) | Đ 2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~19~~ | ~~10333028~~ | ~~LÊ THANH HẢI~~ | ~~CD10CQ~~ | | | | | | | ~~V 0 1 2 3 4~~ 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Số bài:.....; Số tờ:.....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Thịnh

Cán bộ chấm thi 1&2

Đinh Quang Vinh

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02709



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC - 02 (Long ry) CBGD: Đặng Quang Thịnh (570 )

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~1~~ | ~~07124019~~ | ~~ĐỖ VĂN~~ | ~~ĐẠI~~ | ~~DH08QL~~ | | | | | | | | |
| 2 | 07333161 | TRƯƠNG THIÊN | THỜI | CD08CQ | | | | | | 6 | 6 | 0 |
| 3 | 09114134 | DANH | NGỌT | CD09CQ | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 4 | 09124001 | TRẦN THỊ KIM | AN | DH09QL | | | | | | 6 | 6 | 0 |
| 5 | 09124002 | TRẦN THỊ TRÂM | ANH | DH09QL | | | | | | 2 | 2 | 0 |
| 6 | 09124004 | HUỲNH XUÂN | BÁCH | DH09QL | | | | | | 2 | 2 | 0 |
| 7 | 09124005 | NGUYỄN THỊ NGỌC | BÍCH | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 8 | 09124008 | NGUYỄN THỊ NGỌC | DIỄM | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 9 | 09124009 | VÕ THỊ MỸ | DUYÊN | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 10 | 09124010 | NGUYỄN SỸ | DŨNG | DH09QL | | | | | | 2 | 2 | 0 |
| 11 | 09124012 | HUỲNH HIỆP | ĐỊNH | DH09QL | | | | | | 2 | 2 | 0 |
| 12 | 09124013 | MAI VĂN | ĐỊNH | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 13 | 09124014 | NGUYỄN VĂN | ĐƯỜNG | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 14 | 09124016 | LÊ VĂN CHÚC | EM | DH09QL | | | | | | 7 | 7 | 0 |
| 15 | 09124026 | PHAN VIẾT | HỒNG | DH09QL | | | | | | 2 | 2 | 0 |
| 16 | 09124027 | LÊ VĂN | HUẤN | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 17 | 09124034 | NGUYỄN THỊ TUYẾT | KHA | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 18 | 09124036 | PHAN TRUNG | KHOA | DH09QL | | | | | | 2 | 2 | 0 |

Số bài:.....; Số tờ:.....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Thịnh

Cán bộ chấm thi 1&2

Đinh Quang Vinh

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02709



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC - 02 **CBGD:** Đặng Quang Thịnh (570 )

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 09124038 | PHAN VĂN | KHỎE | DH09QL | | | | | | 2 | 2 | 0 |
| 20 | 09124042 | LÊ THỊ | KIM | DH09QL | | | | | | 7 | 7 | 0 |
| 21 | 09124043 | NGÔ THANH | LAI | DH09QL | | | | | | 1 | 1 | 0 |
| 22 | 09124044 | NGÔ TRƯỜNG | LÂM | DH09QL | | | | | | 1 | 1 | 0 |
| 23 | 09124045 | PHAN HUỲNH | LÊ | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 24 | 09124047 | VŨ HOÀNG | LINH | DH09QL | | | | | | 4 | 4 | 0 |
| 25 | 09124049 | NGUYỄN THỊ ÁNH | LỘC | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 26 | 09124050 | NGUYỄN TRUNG | LỘC | DH09QL | | | | | | 5 | 5 | 0 |
| 27 | 09124052 | HỒ MINH | LUÂN | DH09QL | | | | | | 1 | 1 | 0 |
| 28 | 09124059 | NGUYỄN ĐỨC | NGHĨA | DH09QL | | | | | | 1 | 1 | 0 |
| 29 | 09124060 | HUỲNH KIM | NGOAN | DH09QL | | | | | | 6 | 6 | 0 |
| 30 | 09124061 | TRẦN THỊ | NGOAN | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 31 | 09124062 | NGUYỄN THỊ BÍCH | NGỌC | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 32 | 09124064 | PHẠM THỊ ÁNH | NGUYỆT | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 33 | 09124069 | VŨ ĐỨC | OAI | DH09QL | | | | | | 1 | 1 | 0 |
| 34 | 09124072 | PHẠM THANH | PHONG | DH09QL | | | | | | 9 | 9 | 0 |
| 35 | 09124073 | NGUYỄN DUY | PHƯƠNG | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |
| 36 | 09124074 | PHẠM THỊ | PHƯƠNG | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | 0 |

Số bài:.....; Số tờ:.....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Thịnh

Cán bộ chấm thi 1&2

Đinh Quang Vinh

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02709



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC - 02 **CBGD:** Đặng Quang Thịnh (570 )

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 37 | 09124078 | HỒ THANH | TÂM | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 38 | 09124079 | PHẠM NGỌC MINH | TÂM | DH09QL | | | | | | 5 | 5 | |
| 39 | 09124084 | LÊ THỊ THU | THẢO | DH09QL | | | | | | 8 | 8 | |
| 40 | 09124086 | NGUYỄN BỬU | THẠCH | DH09QL | | | | | | 5 | 5 | |
| 41 | 09124089 | CAO TRƯỜNG | THỌ | DH09QL | | | | | | 7 | 7 | |
| 42 | 09124090 | NGUYỄN TẤN | THÔNG | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 43 | 09124092 | NGUYỄN THỊ CẨM | THU | DH09QL | | | | | | 6 | 6 | |
| 44 | 09124093 | PHẠM THỊ ĐÔNG | THU | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 45 | 09124094 | TRẦN THỊ YẾN | THU | DH09QL | | | | | | 6 | 6 | |
| 46 | 09124095 | NGÔ THANH | THỦY | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 47 | 09124096 | BÙI THỊ THANH | THỦY | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 48 | 09124102 | NGUYỄN HÙNG | TÍNH | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 49 | 09124105 | TRẦN TUYẾT | TRINH | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 50 | 09124109 | NGUYỄN ĐỨC | TUYÊN | DH09QL | | | | | | 2 | 2 | |
| 51 | 09124110 | ĐẶNG THỊ ÁNH | TUYẾT | DH09QL | | | | | | 8 | 8 | |
| 52 | 09124111 | LÊ THỊ CẨM | TÚ | DH09QL | | | | | | 9 | 9 | |
| 53 | 09124112 | PHẠM NGỌC | TÚ | DH09QL | | | | | | 5 | 5 | |
| 54 | 09124113 | TRẦN THỊ CẨM | TÚ | DH09QL | | | | | | 2 | 2 | |

Số bài:.....; Số tờ:.....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Thịnh

Cán bộ chấm thi 1&2

Đinh Quang Vinh

Ngày 09 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
**PHÒNG ĐÀO TẠO**

Mã nhận dạng 02709



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

**Môn Học :** Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC - 02 **CBGD:** Đặng Quang Thịnh (570 )

| STT | Mã SV | Họ và tên | | Lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Đ1 ( %) | Đ2 ( %) | Điểm thi ( %) | Điểm tổng kết | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 55 | 09124114 | PHAN VĂN | TƯỜNG | DH09QL | | | | | | 2 | 2 | |
| 56 | 09124115 | CHƯƠNG THIẾT | VĂN | DH09QL | | | | | | 5 | 5 | |
| 57 | 09124116 | TRẦN LÊ MINH | VĂN | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 58 | 09124117 | VŨ THỊ THÚY | VI | DH09QL | | | | | | 9 | 9 | |
| 59 | 09124118 | NGUYỄN QUỐC | VIỆT | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 60 | 09124124 | VÕ TUẤN | VŨ | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 61 | 09124125 | LÊ THỊ MỘNG | XUYÊN | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 62 | 09124126 | NGUYỄN THỊ KIM | YẾN | DH09QL | | | | | | 3 | 3 | |
| 63 | 09124143 | HÀ SĨ | BỆ | DH09QL | | | | | | 2 | 2 | |
| 64 | 09333026 | NGUYỄN THỊ THÙY | DƯƠNG | CD09CQ | | | | | | 2 | 2 | |
| 65 | 09333100 | NGUYỄN THỊ HỒNG | NHUNG | CD09CQ | | | | | | 2 | 2 | |
| 66 | 09333118 | HOÀNG HỒNG | QUÂN | CD09CQ | | | | | | 3 | 3 | |
| 67 | 09333160 | ĐẶNG THỊ HUYỀN | TRÂN | CD09CQ | | | | | | 2 | 2 | |
| 68 | 09333187 | ĐINH QUANG | HẬU | CD09CQ | | | | | | 2 | 2 | |
| 69 | 10124133 | HỨA THỊ NGỌC | NHÂN | DH10QL | | | | | | 2 | 2 | |
| 70 | 10124211 | LÊ THỊ | TRANG | DH10QL | | | | | | 2 | 2 | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Số bài:.....; Số tờ:.....

*Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;*
*Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.*

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đặng Quang Thịnh

Cán bộ chấm thi 1&2

Đinh Quang Vinh

Ngày 09 tháng 12 năm 2011